SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT ĐIỀU HÀNH THÔNG MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-TTGSĐHTM

Đà Nẵng, ngày tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình giám sát một số dịch vụ đô thị thông minh (Thời gian: Từ ngày 24/10/2026 đến ngày 31/10/2026)

Kính gửi: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Công văn số 366/UBND-STTTT ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc triển khai thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu từ Trung tâm IOC phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và Công văn số 1014/UBND-SKHCN của UBND thành phố Đà Nẵng ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc triển khai sử dụng Hệ thống IOC tại các xã, phường, đặc khu để phục vụ chỉ đạo, điều hành, Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng kính báo cáo tình hình giám sát các dịch vụ đô thị thông minh trên Hệ thống IOC từ ngày 24/10/2026 đến ngày 31/10/2026, như sau:

I. TÌNH HUỐNG BẤT THƯỜNG

Từ ngày 24/10/2026 đến ngày 31/10/2026, qua giám sát trên Hệ thống IOC, **không phát sinh tình huống bất thường cần tập trung xử lý.**

II. TÌNH HÌNH GIÁM SÁT CÁC LĨNH VỰC

1. Tình hình phục vụ người dân, doanh nghiệp

1.1. Tình hình giải quyết thủ tục hành chính[1]

a) Trong tuần, số hồ sơ tiếp nhận là **10.179 hồ sơ,** trong đó số lượng hồ sơ nộp trực tuyến là 10.160 hồ sơ, tương ứng 99,81%. Số lượng hồ sơ đã giải quyết là 17.183 hồ sơ (bao gồm số lượng hồ sơ kỳ trước chuyển qua), số lượng hồ sơ đã giải quyết đúng hạn, sớm hạn là 17.091 hồ sơ, số lượng hồ sơ đã giải quyết quá hạn là 86 hồ sơ.

b) Lũy kế số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01/2026 đến thời điểm báo cáo là **718.993 hồ sơ**. Trong đó, hình thức nộp trực tuyến là 716.740 hồ sơ, đạt 99,69%

[1] Từ ngày 01/01/2026, các Sở, ngành trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính riêng do Bộ, ngành chủ quản triển khai (trừ các thủ tục hành chính đặc thù của thành phố), không còn giải quyết tập trung trên Hệ thống một cửa điện tử thành phố (iGate). Do vậy, số liệu tình hình giải quyết TTHC trong báo cáo này (sử dụng số liệu kết nối từ Hệ thống iGate) không thể hiện đầy đủ số lượng hồ sơ TTHC của các Sở, ngành.

tổng số hồ sơ; đã giải quyết xong 725.808 hồ sơ (bao gồm hồ sơ kỳ trước chuyển qua), đạt 95,48% tổng số hồ sơ cần xử lý trong kỳ, trong đó có 709.936 hồ sơ đã giải quyết sớm hạn, đúng hạn.

Kết quả theo dõi các chỉ số về tình hình hồ sơ[2] (lũy kế từ 01/01/2026 đến thời điểm báo cáo) theo quy định tại Phụ lục VII - Mẫu báo cáo nhanh tình hình triển khai Kế hoạch 02, Nghị quyết 57/NQ-TW, có 80 đơn vị đạt tỷ lệ cao ở 03 chỉ số về tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước và đúng hạn, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

+ Tiêu biểu một số đơn vị có các chỉ số về tình hình hồ sơ đạt tỷ lệ cao: Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ; Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng và 03 địa phương đạt tỷ lệ tuyệt đối ở cả 3 chỉ tiêu: UBND Phường Tam Kỳ; UBND Xã Tân Hiệp; UBND Xã Khâm Đức.

+ Tồn tại một số đơn vị có tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn thấp: UBND Xã Núi Thành (*tỷ lệ đúng hạn, sớm hạn: 92,76%*); UBND Xã Đức Phú *(95,05%);* Công An thành phố Đà Nẵng *(92,80%)*.

(Chi tiết số liệu tình hình giải quyết TTHC tại Phụ lục I kèm theo)

1.2. Tình hình tiếp nhận và xử lý ý kiến góp ý – phản ánh

a) Trong tuần, tiếp nhận **509 ý kiến** góp ý, giảm 144 ý kiến, tương ứng giảm 22,05% so với tuần trước (653 ý kiến).

b) Lũy kế đến thời điểm báo cáo, số ý kiến tiếp nhận là **23.063 ý kiến**. Trong đó:

- Số lượng ý kiến đã xử lý là 22.495 ý kiến, đạt tỷ lệ 97,54% tổng số ý kiến tiếp nhận, trong đó có 2.353 ý kiến xử lý trễ hạn.

- Lũy kế, phát sinh 119 đánh giá không hài lòng về kết quả xử lý ý kiến góp ý, phản ánh của cơ quan chức năng.

- Đến thời điểm báo cáo, còn tồn đọng 14 ý kiến quá hạn chưa được xử lý.

(Chi tiết số liệu góp ý, phản ánh tại Phụ lục II kèm theo)

2. Tình hình giám sát hiện trường

2.1. Tình hình giám sát tàu cá

a) Trong tuần, không phát sinh cảnh báo về tình hình hoạt động tàu cá trên biển.

---

[2] Mục tiêu:

- Tỷ lệ trước và đúng hạn >=99%
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến>=80%
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến >=60%

b) Lũy kế đến thời điểm báo cáo, giám sát, phát hiện 20 lượt cảnh báo về tình hình hoạt động tàu cá, gồm: 01 cảnh báo tàu cá mất kết nối và 19 cảnh báo tàu cá có tín hiệu SOS.

Trung tâm IOC đã cung cấp thông tin đến Chi cục Biển đảo và Thủy sản và phối hợp theo dõi theo quy định. Đối với trường hợp tàu ra vùng ranh giới, Chi cục Biển đảo và Thủy sản đã đề nghị phòng Kiểm ngư (thuộc Chi cục Biển đảo và Thủy sản) xử lý theo quy định khi tàu cập bến.

2.2. Tình hình giám sát quan trắc môi trường

Trong tuần, không phát sinh cảnh báo trạm quan trắc bị mất kết nối và chỉ số quan trắc vượt ngưỡng.

3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ ngành khoa học công nghệ

3.1. Tình hình khung tiêu chí phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phường xã

Tính đến thời điểm báo cáo, có 31 phường xã đạt **41/41 tiêu chí** đánh giá mức độ triển khai chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các xã, phường, gồm: UBND Xã Tam Anh; UBND Xã Đức Phú; UBND Xã Sông Kôn; UBND Xã Trà Liên; UBND Xã Thăng An; UBND Phường Điện Bàn; UBND Phường Hội An; UBND Xã Trà Vân; UBND Xã Sông Vàng; UBND Xã AVương; UBND Xã Thăng Phú; UBND Phường Điện Bàn Đông; UBND Xã Đông Giang; UBND Xã Lãnh Ngọc; UBND Phường Hội An Tây; UBND Xã Thạnh Bình; UBND Xã Thăng Bình; UBND Xã Phú Ninh; UBND Xã Trà Linh; UBND Phường Hải Vân; UBND Phường Hòa Cường; UBND Phường Hòa Khánh; UBND Phường Hòa Xuân; UBND Phường Hương Trà; UBND Phường Ngũ Hành Sơn; UBND Phường Tam Kỳ; UBND Phường Thanh Khê; UBND Xã Hà Nha; UBND Xã Hòa Vang; UBND Xã Tây Hồ; UBND Phường Hải Châu.

Bên cạnh đó còn tồn tại một số xã phường có số lượng tiêu chí đạt còn thấp, như: Tân Hiệp, Tam Xuân, Tiên Phước (24, 25/41 tiêu chí).

(dữ liệu tính đến ngày 03/11/2026)

3.2. Tình hình thực hiện kế hoạch 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

Tính đến thời điểm báo cáo, tổng số lượng nhiệm vụ về xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số là **38 nhiệm vụ**, trong đó:

- 08 nhiệm vụ do Trung ương giao (01 nhiệm vụ đã hoàn thành, 07 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn).

- 30 nhiệm vụ do Thành phố giao (gồm 06 nhiệm vụ thường xuyên; 13 nhiệm vụ đã hoàn thành trong hạn; 09 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn và 02 nhiệm vụ chưa thực hiện).

(dữ liệu tính đến ngày 19/8/2026)

3.3. Tình hình thu thập dữ liệu vào kho dùng chung thành phố (KH14)

Lũy kế đến thời điểm báo cáo, có 118 đơn vị đã đưa dữ liệu vào kho dùng chung của TP, với tổng số bộ dữ liệu là **6.028 bộ**. Trong đó: có 118 đơn vị có bộ dữ liệu đã phát sinh dữ liệu với số bộ là 2.798 bộ và 01 đơn vị *(UBND xã La Êê)* có bộ dữ liệu chưa phát sinh.

(dữ liệu cập nhật tính đến ngày 03/11/2026)

3.4. Tình hình phân bổ và giải ngân kinh phí khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Lũy kế đến thời điểm báo cáo, tổng phân bổ kinh phí KHCN, ĐMST và CĐS của các đơn vị đạt **1.748.381 triệu đồng** (kinh phí đầu tư là 813.266 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp là 935.115 triệu đồng). Trong đó, tổng kinh phí đã giải ngân là **1.091.861 triệu đồng,** đạt tỷ lệ 62,4%.

(dữ liệu cập nhật tính đến ngày 03/11/2026)

III. CÔNG TÁC VẬN HÀNH IOC

- Tổ chức trực vận hành, giám sát các dịch vụ đô thị thông minh xuyên suốt các ngày trong tuần.

- Tiếp tục hỗ trợ, theo dõi tình hình triển khai sử dụng Hệ thống IOC tại các xã, phường, đặc khu để phục vụ chỉ đạo, điều hành.

- Tiếp tục triển khai nhiệm vụ tại các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố về việc thu thập, kết nối dữ liệu từ các cơ quan, đơn vị về Hệ thống IOC phục vụ báo cáo tại các cuộc họp định kỳ, chuyên đề của UBND thành phố, Ban thường vụ Thành ủy.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các dashboard trên Hệ thống IOC.

Trong tuần, Lãnh đạo của 62 đơn vị đảm bảo việc truy cập khai thác, sử dụng Hệ thống IOC hằng ngày (*có truy cập tất cả các ngày làm việc trong tuần*). Tiêu biểu các đơn vị: Sở Công thương; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng; Sở Y tế; Thuế thành phố Đà Nẵng và 56 UBND xã phường: UBND Phường An Hải, UBND Phường An Khê, UBND Phường Bàn Thạch, UBND Phường Điện Bàn, UBND Phường Điện Bàn Bắc, UBND Phường Điện Bàn Đông, UBND Phường Hải Châu …

Bên cạnh đó, còn Lãnh đạo của 09 cơ quan, địa phương không thực hiện truy cập Hệ thống IOC trong tuần, gồm UBND các xã phường: UBND Phường Hương Trà, UBND Xã Bến Hiên, UBND Xã Núi Thành, UBND Xã Phú Ninh, UBND Xã Tam Mỹ, UBND Xã Tiên Phước…

(chi tiết tình hình truy cập Hệ thống IOC tại Phụ lục III kèm theo)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ *(Không có).*

Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND các phường, xã;
- Sở KH&CN (báo cáo);
- BGĐ TT IOC;
- Lưu: VT, GSDVĐTTM.LD

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Hữu Can

Phụ lục I

DVC – CHI TIẾT TÌNH HÌNH GIÁM SÁT DỊCH VỤ CÔNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTGSĐHTM ngày tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng)

Hệ thống IOC kết nối dữ liệu về dịch vụ công từ Hệ thống Một cửa điện tử (iGate).

Kỳ dữ liệu: Từ 01/01/2026 đến 30/10/2026.

Thời điểm trích xuất dữ liệu trên Hệ thống Một cửa điện tử (iGate): 14h00 ngày 02/11/2026.

1. Số liệu tình hình giám sát dịch vụ công

Nội dung			Tuần 44 (từ 24/10/2026 đến 30/10/2026)	Luỹ kế từ 01/01/2026 đến thời điểm báo cáo
Số lượng hồ sơ tiếp nhận	**Tổng số**		**53.141**	**760.135**
	Trong kỳ	Trực tuyến	10.160	716.740
		Trực tiếp, dịch vụ bưu chính	19	2.253
	Từ kỳ trước		42.962	41.142
Số lượng hồ sơ đã giải quyết	**Tổng số**		**17.183**	**725.808**
	Trước hạn		17.040	708.743
	Đúng hạn		51	1.193
	Trễ hạn		86	15.863
Số lượng hồ sơ đang giải quyết	**Tổng số**		**35.957**	**34.322**
	Trong hạn		34.548	32.923
	Quá hạn		1.409	1.399
Tổng số hồ sơ thanh toán trực tuyến			51.980	751.591
Tỷ lệ trước và đúng hạn			97.17%	97.73%
Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến			99.81%	99.69%
Tỷ lệ thanh toán trực tuyến			98.20%	99.25%

2. Danh sách đơn vị có tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, sớm hạn chưa đạt mục tiêu theo KH 02, NQ57:

a) Khối Sở ban ngành

STT	Đơn vị	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tỷ lệ trước và đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
1	Công An thành phố Đà Nẵng	23.174	22.176	2	996	21.070	20.626	0	444	2.104	880	1.224	**92.80%**
2	Sở Nông Nghiệp và Môi trường	222.017	206.216	432	15.369	209.430	202.453	367	6.607	12.586	12.547	39	**97.00%**

b) Khối xã phường

STT	Đơn vị	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tỷ lệ trước và đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
1	UBND Xã Núi Thành	8.932	8.583	1	348	8.811	8.167	0	644	121	118	3	92.76%
2	UBND Xã Đức Phú	1.655	1.631	11	13	1.603	1.540	1	62	52	32	20	95.05%
3	UBND Xã Gò Nổi	2.403	2.344	0	59	2.364	2.250	1	113	39	39	0	95.30%
4	UBND Xã Tam Hải	1.861	1.772	1	88	1.692	1.644	0	48	169	131	38	95.38%
5	UBND Xã Trà My	2.252	2.164	52	36	2.229	2.161	2	66	23	23	0	97.07%
6	UBND Xã Tam Xuân	4.065	3.850	1	214	3.883	3.779	9	95	182	180	2	97.61%
7	UBND Xã Tam Anh	6.431	6.260	5	166	6.286	6.127	16	143	145	145	0	97.78%
8	UBND Phường An Thắng	1.789	1.584	76	129	1.659	1.622	0	37	130	128	2	97.82%
9	UBND Xã Quế Sơn Trung	3.105	3.027	7	71	2.950	2.884	0	66	155	155	0	97.87%
10	UBND Xã Bến Hiên	432	422	10	0	431	422	0	9	1	1	0	97.92%
11	UBND Xã Tam Mỹ	1.842	1.817	0	25	1.825	1.786	4	35	17	16	1	98.05%
12	UBND Xã Trà Tân	803	791	2	10	800	786	0	14	3	2	1	98.13%
13	UBND Phường Điện Bàn Đông	3.732	3.343	3	386	3.598	3.528	5	65	134	132	2	98.20%
14	UBND Xã Đồng Dương	3.561	3.453	12	96	3.473	3.410	0	63	88	88	0	98.23%
15	UBND Phường Sơn Trà	5.008	4.715	0	293	4.656	4.575	1	80	352	350	2	98.36%
16	UBND Xã Sông Kôn	967	916	16	35	966	951	0	15	1	1	0	98.45%
17	UBND Xã Phước Hiệp	325	303	20	2	321	316	0	5	4	4	0	98.46%
18	UBND Xã La Êê	341	339	2	0	338	334	0	4	3	2	1	98.53%

STT	Đơn vị	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tỷ lệ trước và đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
19	UBND Xã Nam Phước	5.890	5.624	0	266	5.741	5.654	1	86	149	149	0	**98.54%**
20	UBND Xã Hiệp Đức	2.067	2.044	0	23	2.035	2.000	9	26	32	29	3	**98.60%**
21	UBND Xã Đắc Pring	221	220	0	1	221	218	0	3	0	0	0	**98.64%**
22	UBND Xã Trà Tập	482	466	16	0	482	476	0	6	0	0	0	**98.76%**
23	UBND Xã Lãnh Ngọc	1.764	1.591	0	173	1.695	1.674	0	21	69	69	0	**98.81%**
24	UBND Phường Hòa Khánh	6.543	6.230	70	243	6.489	6.392	28	69	54	49	5	**98.87%**
25	UBND Xã Phước Chánh	442	401	41	0	442	437	0	5	0	0	0	**98.87%**
26	UBND Xã Phước Trà	924	902	0	22	914	903	1	10	10	10	0	**98.92%**
27	UBND Phường Hương Trà	3.743	3.618	41	84	3.690	3.645	6	39	53	52	1	**98.93%**
28	UBND Xã Thăng Trường	4.565	4.291	213	61	4.409	4.358	2	49	156	156	0	**98.93%**
29	UBND Xã Đại Lộc	6.149	6.050	0	99	5.887	5.822	1	64	262	262	0	**98.96%**
30	UBND Xã Trà Liên	681	666	0	15	678	671	0	7	3	3	0	**98.97%**
31	UBND Xã Hùng Sơn	1.177	1.134	21	22	1.177	1.165	0	12	0	0	0	**98.98%**

c) Khối Văn phòng đăng ký đất đai

STT	Đơn vị	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tỷ lệ trước và đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
1	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 07	23.503	21.261	26	2.216	21.761	19.911	33	1.817	1.742	1.741	1	**92.26%**
2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 09	13.352	12.347	6	999	12.924	11.924	23	977	428	422	6	**92.64%**
3	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 15	540	489	2	49	530	499	1	30	10	10	0	**94.44%**
4	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 13	14.825	13.950	0	875	13.736	12.992	26	718	1.089	1.088	1	**95.15%**
5	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 08	10.690	10.129	0	561	10.297	9.866	13	418	393	385	8	**96.01%**
6	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 04	12.901	12.225	0	676	12.359	11.933	21	403	542	542	0	**96.86%**
7	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 06	8.662	8.376	25	261	8.148	7.916	10	222	514	514	0	**97.44%**
8	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 11	10.457	9.842	4	611	9.812	9.552	12	248	645	640	5	**97.58%**
9	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 12	3.937	3.546	24	367	3.464	3.362	19	83	473	473	0	**97.89%**
10	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 10	14.191	13.349	0	842	13.021	12.738	14	269	1.169	1.166	3	**98.08%**
11	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 03	15.621	13.710	30	1.881	15.131	14.842	33	255	490	486	4	**98.34%**
12	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 05	18.013	17.617	8	388	17.124	16.806	21	297	889	888	1	**98.35%**

STT	Đơn vị	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tỷ lệ trước và đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
13	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 17	1.198	1.149	26	23	1.138	1.115	7	16	60	60	0	**98.66%**
14	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 01	23.325	20.870	71	2.384	22.922	22.576	89	257	403	403	0	**98.90%**
15	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực 02	24.601	23.253	179	1.169	23.301	23.033	16	252	1.300	1.298	2	**98.97%**

Phụ lục II

GYPA – CHI TIẾT TÌNH HÌNH XỬ LÝ Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN ÁNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTGSĐHTM ngày tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng)

Hệ thống IOC kết nối dữ liệu và giám sát tình hình tiếp nhận và xử lý góp ý, phản ánh từ Cổng Góp ý thành phố**. Số liệu tại thời điểm ngày 02/11/2026.**

Tình hình tiếp nhận, xử lý ý kiến trong kỳ

Trạng thái	Số lượng ý kiến tuần 24/10 - 30/10/2026	Số lượng ý kiến tuần 17/10 - 23/10/2026	Diễn biến so với kỳ trước	Lũy kế từ 01/01/2026 đến thời điểm báo cáo
Chưa xử lý	**2**	**41**		**50**
Đang xử lý	**306**	**124**	*Tăng 146,77%*	**518**
- Trong hạn	306	121		504
- Quá hạn	0	3		14
Đã xử lý	**201**	**488**	*Giảm 58,81%*	**22.495**
- Trong hạn	201	485		20.142
- Trễ hạn	0	3	*Giảm 100%*	2.353
- Kết quả xử lý có đánh giá không hài lòng	0	0		119
Tổng ý kiến	**509**	**653**	***Giảm 22,05%***	**23.063**

Phụ lục III

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TRUY CẬP HỆ THỐNG IOC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTGSĐHTM ngày tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng)

Ghi chú	
✓	Có truy cập
x	Không truy cập
	Tỷ lệ ngày truy cập < 50% ngày làm việc
	50% <= Tỷ lệ ngày truy cập < 99% ngày làm việc
	Truy cập tất cả các ngày làm việc

1. Nhóm Lãnh đạo phường xã

STT	Đơn vị	Số ngày CÓ truy cập (trên tổng 5 ngày làm việc)	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
			26/10/2026	27/10/2026	28/10/2026	29/10/2026	30/10/2026
1	UBND Phường Hương Trà	0	x	x	x	x	x
2	UBND Xã Bến Hiên	0	x	x	x	x	x
3	UBND Xã Núi Thành	0	x	x	x	x	x
4	UBND Xã Phú Ninh	0	x	x	x	x	x
5	UBND Xã Tam Mỹ	0	x	x	x	x	x
6	UBND Xã Tiên Phước	0	x	x	x	x	x
7	UBND Phường Hòa Cường	1	✓	x	x	x	x
8	UBND Phường Sơn Trà	1	x	✓	x	x	x
9	UBND Xã Sơn Cẩm Hà	1	x	x	x	x	✓
10	UBND Xã Đắc Pring	2	x	✓	✓	x	x
11	UBND Xã Điện Bàn Tây	2	✓	✓	x	x	x
12	UBND Xã La Dêê	2	x	x	x	✓	✓
13	UBND Xã Tam Xuân	2	x	✓	x	✓	x
14	UBND Xã Trà Tân	2	x	✓	x	x	✓
15	UBND Xã Trà Tập	2	x	x	✓	x	✓

STT	Đơn vị	Số ngày CÓ truy cập (trên tổng 5 ngày làm việc)	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
			26/10/2026	27/10/2026	28/10/2026	29/10/2026	30/10/2026
16	UBND Phường Cẩm Lệ	3	x	x	✓	✓	✓
17	UBND Xã Nam Giang	3	x	✓	x	✓	✓
18	UBND Xã Phước Trà	3	x	x	✓	✓	✓
19	UBND Xã Tam Hải	3	✓	x	✓	✓	x
20	UBND Phường An Thắng	4	✓	x	✓	✓	✓
21	UBND Phường Hòa Khánh	4	✓	✓	x	✓	✓
22	UBND Phường Hòa Xuân	4	✓	✓	x	✓	✓
23	UBND Phường Quảng Phú	4	✓	✓	✓	✓	x
24	UBND Phường Tam Kỳ	4	✓	✓	✓	✓	x
25	UBND Xã Bà Nà	4	✓	✓	✓	✓	x
26	UBND Xã Đại Lộc	4	✓	✓	x	✓	✓
27	UBND Xã Phước Chánh	4	✓	✓	x	✓	✓
28	UBND Xã Quế Phước	4	✓	x	✓	✓	✓
29	UBND Xã Sông Vàng	4	✓	✓	✓	✓	x
30	UBND Xã Tây Hồ	4	✓	✓	✓	x	✓
31	UBND Xã Thạnh Bình	4	x	✓	✓	✓	✓
32	UBND Xã Thăng Trường	4	✓	✓	x	✓	✓
33	UBND Xã Thu Bồn	4	x	✓	✓	✓	✓
34	UBND Xã Trà Đốc	4	✓	x	✓	✓	✓
35	UBND Xã Trà Giáp	4	✓	✓	x	✓	✓
36	UBND Xã Trà Leng	4	x	✓	✓	✓	✓
37	UBND Xã Xuân Phú	4	✓	✓	✓	✓	x
38	UBND Phường An Hải	5	✓	✓	✓	✓	✓
39	UBND Phường An Khê	5	✓	✓	✓	✓	✓
40	UBND Phường Bàn Thạch	5	✓	✓	✓	✓	✓
41	UBND Phường Điện Bàn	5	✓	✓	✓	✓	✓
42	UBND Phường Điện Bàn Bắc	5	✓	✓	✓	✓	✓
43	UBND Phường Điện Bàn Đông	5	✓	✓	✓	✓	✓
44	UBND Phường Hải Châu	5	✓	✓	✓	✓	✓

STT	Đơn vị	Số ngày CÓ truy cập (trên tổng 5 ngày làm việc)	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
			26/10/2026	27/10/2026	28/10/2026	29/10/2026	30/10/2026
45	UBND Phường Hải Vân	5	✓	✓	✓	✓	✓
46	UBND Phường Hội An	5	✓	✓	✓	✓	✓
47	UBND Phường Hội An Đông	5	✓	✓	✓	✓	✓
48	UBND Phường Hội An Tây	5	✓	✓	✓	✓	✓
49	UBND Phường Liên Chiểu	5	✓	✓	✓	✓	✓
50	UBND Phường Ngũ Hành Sơn	5	✓	✓	✓	✓	✓
51	UBND Phường Thanh Khê	5	✓	✓	✓	✓	✓
52	UBND Xã AVương	5	✓	✓	✓	✓	✓
53	UBND Xã Bến Giằng	5	✓	✓	✓	✓	✓
54	UBND Xã Chiên Đàn	5	✓	✓	✓	✓	✓
55	UBND Xã Duy Nghĩa	5	✓	✓	✓	✓	✓
56	UBND Xã Duy Xuyên	5	✓	✓	✓	✓	✓
57	UBND Xã Đồng Dương	5	✓	✓	✓	✓	✓
58	UBND Xã Đông Giang	5	✓	✓	✓	✓	✓
59	UBND Xã Đức Phú	5	✓	✓	✓	✓	✓
60	UBND Xã Gò Nổi	5	✓	✓	✓	✓	✓
61	UBND Xã Hà Nha	5	✓	✓	✓	✓	✓
62	UBND Xã Hiệp Đức	5	✓	✓	✓	✓	✓
63	UBND Xã Hòa Tiến	5	✓	✓	✓	✓	✓
64	UBND Xã Hòa Vang	5	✓	✓	✓	✓	✓
65	UBND Xã Hùng Sơn	5	✓	✓	✓	✓	✓
66	UBND Xã Khâm Đức	5	✓	✓	✓	✓	✓
67	UBND Xã La Êê	5	✓	✓	✓	✓	✓
68	UBND Xã Lãnh Ngọc	5	✓	✓	✓	✓	✓
69	UBND Xã Nam Phước	5	✓	✓	✓	✓	✓
70	UBND Xã Nam Trà My	5	✓	✓	✓	✓	✓
71	UBND Xã Nông Sơn	5	✓	✓	✓	✓	✓
72	UBND Xã Phú Thuận	5	✓	✓	✓	✓	✓
73	UBND Xã Phước Hiệp	5	✓	✓	✓	✓	✓
74	UBND Xã Phước Năng	5	✓	✓	✓	✓	✓

STT	Đơn vị	Số ngày CÓ truy cập (trên tổng 5 ngày làm việc)	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
			26/10/2026	27/10/2026	28/10/2026	29/10/2026	30/10/2026
75	UBND Xã Phước Thành	5	✓	✓	✓	✓	✓
76	UBND Xã Quế Sơn	5	✓	✓	✓	✓	✓
77	UBND Xã Quế Sơn Trung	5	✓	✓	✓	✓	✓
78	UBND Xã Sông Kôn	5	✓	✓	✓	✓	✓
79	UBND Xã Tam Anh	5	✓	✓	✓	✓	✓
80	UBND Xã Tân Hiệp	5	✓	✓	✓	✓	✓
81	UBND Xã Tây Giang	5	✓	✓	✓	✓	✓
82	UBND Xã Thạnh Mỹ	5	✓	✓	✓	✓	✓
83	UBND Xã Thăng An	5	✓	✓	✓	✓	✓
84	UBND Xã Thăng Bình	5	✓	✓	✓	✓	✓
85	UBND Xã Thăng Điền	5	✓	✓	✓	✓	✓
86	UBND Xã Thăng Phú	5	✓	✓	✓	✓	✓
87	UBND Xã Thượng Đức	5	✓	✓	✓	✓	✓
88	UBND Xã Trà Liên	5	✓	✓	✓	✓	✓
89	UBND Xã Trà Linh	5	✓	✓	✓	✓	✓
90	UBND Xã Trà My	5	✓	✓	✓	✓	✓
91	UBND Xã Trà Vân	5	✓	✓	✓	✓	✓
92	UBND Xã Việt An	5	✓	✓	✓	✓	✓
93	UBND Xã Vu Gia	5	✓	✓	✓	✓	✓

2. Nhóm Lãnh đạo Sở ngành

STT	Đơn vị	Số ngày CÓ truy cập (trên tổng 5 ngày làm việc)	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
			26/10/2026	27/10/2026	28/10/2026	29/10/2026	30/10/2026
1	Kho bạc thành phố Đà Nẵng	0	x	x	x	x	x
2	Sở Ngoại vụ	0	x	x	x	x	x
3	Thanh tra thành phố	0	x	x	x	x	x
4	Sở Nội vụ	1	✓	x	x	x	x
5	Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	2	x	x	x	✓	✓

STT	Đơn vị	Số ngày CÓ truy cập (trên tổng 5 ngày làm việc)	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
			26/10/2026	27/10/2026	28/10/2026	29/10/2026	30/10/2026
6	Công An thành phố Đà Nẵng	2	✓	x	x	✓	x
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	2	✓	x	x	✓	x
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2	x	x	✓	✓	x
9	Sở Khoa học và Công nghệ	3	x	✓	x	✓	✓
10	Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng	4	✓	✓	✓	✓	x
11	Sở Tài chính	4	x	✓	✓	✓	✓
12	Sở Tư pháp	4	✓	x	✓	✓	✓
13	Sở Công thương	5	✓	✓	✓	✓	✓
14	Sở Dân tộc và Tôn giáo	5	✓	✓	✓	✓	✓
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	✓	✓	✓	✓	✓
16	Sở Xây dựng	5	✓	✓	✓	✓	✓
17	Sở Y tế	5	✓	✓	✓	✓	✓
18	Thuế thành phố Đà Nẵng	5	✓	✓	✓	✓	✓